

Số: 13 /QĐ-ISO

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt và ban hành sửa đổi tài liệu Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015

### BAN CHỈ ĐẠO HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM THÔNG BÁO TIN TỨC HÀNG KHÔNG

Căn cứ Quyết định số 654/QĐ-TTHK ngày 10/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Thông báo tin tức hàng không về việc Kiện toàn Ban chỉ đạo Hệ thống quản lý chất lượng Trung tâm Thông báo tin tức hàng không;

Căn cứ Quyết định số 655/QĐ-TTHK ngày 10/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Thông báo tin tức hàng không về việc ban hành Quy chế hoạt động của ban chỉ đạo Hệ thống quản lý chất lượng Trung tâm Thông báo tin tức hàng không;

Xét theo yêu cầu Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và hoạt động của Trung tâm Thông báo tin tức hàng không;

Theo đề nghị của trưởng phòng An toàn - Chất lượng và trưởng đơn vị liên quan.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Phê duyệt và ban hành sửa đổi 02 tài liệu Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 của Trung tâm Thông báo tin tức hàng không, chi tiết như sau:

1. Quy trình cung cấp dịch vụ thủ tục bay tại Cảng HKQT Đà Nẵng.
2. Quy trình soạn và cấp bản thông báo tin tức hàng không trước chuyến bay (PIB) tại Cảng HKQT Đà Nẵng.

**Điều 2.** Trưởng các đơn vị và các bộ phận, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm phổ biến và triển khai áp dụng tài liệu của Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

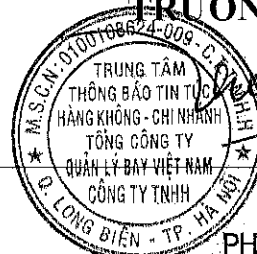
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ Mục 3, 4 Điều 1 Quyết định số 1073/QĐ-TTHK ngày 15/10/2019 của Trung tâm Thông báo tin tức hàng không về việc phê duyệt và ban hành sửa đổi tài liệu Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

**Điều 4.** Trưởng các đơn vị và các bộ phận, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: u

- Ban Giám đốc (để b/c);
- Các Trung tâm;
- Các Phòng chuyên môn;
- Phòng BDKT;
- Phòng CMNV;
- Lưu: ISO (14b).

TM. BAN ISO  
TRƯỞNG BAN



PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Thùy Vân

TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM  
TRUNG TÂM THÔNG BÁO TIN TỨC HÀNG KHÔNG



QT-DAN-ARO

QUY TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ THỦ TỤC BAY  
TẠI CẢNG HKQT ĐÀ NẴNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 13 /QĐ-ISO  
ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ban ISO)*

Văn Phòng: Nhà ga quốc tế tại Cảng HKQT Đà Nẵng

Điện thoại : (0236) 3614341

**BẢNG THEO DÕI SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

<b>Ngày tháng</b>	<b>Nội dung thay đổi</b>	<b>Ngày hiệu lực</b>
02/10/2017	Ban hành lần 01	06/10/2017
15/10/2019	Ban hành lần 02 - Sửa đổi nội dung quy trình phù hợp theo Tài liệu hướng dẫn khai thác cơ sở mới ban hành. -Bổ sung cách thức xử lý liên quan đến các thay đổi trong phép bay và kế hoạch bay.	15/10/2019
24/12/2020	Ban hành lần 03 Sửa đổi nội dung quy trình phù hợp theo Thông tư quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay và Tài liệu hướng dẫn khai thác mới ban hành, Hướng dẫn quy trình làm thủ tục bay từ xa cho các chuyến bay khởi hành từ cảng hàng không tại Việt Nam.	24/12/2020

ST/DT  
THC  
HANG  
T  
QUAN  
C  
ONG

## 1. MỤC ĐÍCH

Quy trình này xây dựng nhằm mục đích thống nhất cách thức và kiểm soát hoạt động cung cấp dịch vụ thủ tục bay cho các chuyến bay đi, đến tại Cảng HKQT Đà Nẵng.

## 2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Quy trình này áp dụng để thực hiện công việc tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu, xử lý, phát kê hoạch bay không lưu (FPL) và các điện văn không lưu liên quan của Trung tâm ARO/AIS Đà Nẵng.

## 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;
- Nghị định của Chính phủ về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ;
- Nghị định của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;
- Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý hoạt động bay;
- Thông tư của Bộ giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác đảm bảo chuyến bay chuyên cơ;
- Thông tư của Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý khai thác Cảng hàng không, sân bay;
- Thông tư của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay;
- Quyết định của Cục Hàng không Việt Nam ban hành Hướng dẫn thực hiện công tác cấp phép bay;
- Quyết định ban hành Hướng dẫn quy trình làm thủ tục bay từ xa cho các chuyến bay khởi hành từ các Cảng hàng không tại Việt Nam;
- Quyết định ban hành Hướng dẫn về mẫu và cách điền FPL;
- Tài liệu hướng dẫn khai thác cơ sở ARO/AIS Đà Nẵng;
- Văn bản phối hợp bảo đảm dịch vụ làm thủ tục bay từ xa cho các chuyến bay khởi hành từ cảng hàng không, sân bay giữa Trung tâm Thông báo tin tức hàng không - Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam với các hãng hàng không liên quan (Vietnam Airlines, Vietjet Air, Pacific Airlines, Bamboo Airways);
- Văn bản hiệp đồng với các đơn vị liên quan;
- ISO 9001:2015;
- ANNEX 2 (ICAO - Rules of the air);
- ANNEX 11 (ICAO - Air traffic services);
- Doc 8400 (ICAO - Abbreviations and Codes );
- Doc 7910 (ICAO - Location Indicator);
- Doc 4444 (ICAO – Air traffic management).

## 4. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH CHỮ VIẾT TẮT

### 4.1 Định nghĩa

- **Cơ sở điều hành bay** là trung tâm kiểm soát đường dài, cơ sở kiểm soát tiếp cận, đài kiểm soát tại sân bay.
- **Chuyến bay có kiểm soát** (Controlled flight) là chuyến bay được cung cấp dịch vụ điều hành bay.
- **Dịch vụ thủ tục bay** là dịch vụ được cung cấp để nhận và xử lý các báo cáo, điện văn liên quan đến ATS và kế hoạch bay không lưu nộp trước khi tàu bay khởi hành.
- **Hoạt động bay** là hoạt động của tàu bay đang bay hoặc đang hoạt động trên khu vực di chuyển tại sân bay.
- **Hoạt động tại sân bay** là tất cả hoạt động bay trên khu vực di chuyển tại sân bay và tất cả hoạt động bay trong vùng trời sân bay.
- **Kế hoạch bay không lưu** (Flight plan) là các tin tức quy định cung cấp cho cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu về chuyến bay dự định thực hiện hoặc một phần của chuyến bay.
- **Kế hoạch hoạt động bay ngày** là điện văn thông báo kế hoạch bay theo ngày được Trung tâm Hiệp đồng bay và điều phối luồng không lưu thuộc TT QLLKL gửi đến các cơ quan, đơn vị liên quan muộn nhất là 15 giờ (giờ địa phương) ngày hôm trước qua địa chỉ AFTN/AMHS. Kế hoạch hoạt động bay ngày ghi rõ số hiệu chuyến bay, loại tàu bay, sân bay khởi hành và sân bay đến, giờ dự định khởi hành, giờ dự định đến và đường bay.
- **Kế hoạch hoạt động bay quân sự** là điện văn thông báo kế hoạch bay quân sự theo ngày được Trung tâm Hiệp đồng bay và điều phối luồng không lưu thuộc TT QLLKL gửi đến các cơ quan, đơn vị liên quan muộn nhất là 18 giờ (giờ địa phương) ngày hôm trước qua địa chỉ AFTN/AMHS. Kế hoạch hoạt động bay quân sự có các thông tin: Loại tàu bay, số chuyến bay, sân bay khởi hành hoặc khu vực bay, bán kính, sân bay dự kiến đến và giờ dự định khởi hành.
- **Kế hoạch hoạt động quân sự** là công văn hoặc điện văn thông báo về kế hoạch hoạt động quân sự của Cục Tác chiến - Bộ Tổng tham mưu.
- **Phép bay** là văn bản hoặc hiệu lệnh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, xác định điều kiện và giới hạn được phép hoạt động của tàu bay.
- **Phòng thủ tục bay** (Air traffic services reporting office - ARO) là cơ sở cung cấp dịch vụ thủ tục bay tại sân bay.

### 4.2 Chữ viết tắt

A/C Type	Aircraft Type	Loại tàu bay
ACC	Area control center	Trung tâm kiểm soát đường dài
ADEP	Aerodrome of Departure	Sân bay cất cánh
ADES	Aerodrome of Destination	Sân bay đến
AFTN	Aeronautical Fixed	Mạng viễn thông cố định hàng không

	Telecommunication Network	
<b>AIS</b>	Aeronautical Information Service	Dịch vụ thông báo tin tức hàng không
<b>AMHS</b>	Air traffic service Message Handling System	Hệ thống xử lý điện văn dịch vụ không lưu
<b>APP</b>	Approach control unit	Cơ sở kiểm soát tiếp cận
<b>ARO</b>	Air traffic services Reporting Office	Phòng Thủ tục bay
<b>ARR</b>	Arrival	Hạ cánh (ký hiệu loại điện văn)
<b>ATA</b>	Actual Time of Arrival	Giờ hạ cánh thực tế
<b>ATD</b>	Actual Time of Departure	Giờ cất cánh thực tế
<b>DEP</b>	Departure	Khởi hành (Ký hiệu loại điện văn)
<b>DLA</b>	Delay	Trì hoãn (Ký hiệu loại điện văn)
<b>ĐVKL</b>		Điện văn không lưu
<b>EOBT</b>	Estimated off block time	Giờ dự định rời vị trí đỗ
<b>ETA</b>	Estimated Time of Arrival	Giờ dự định hạ cánh
<b>ETD</b>	Estimated Time of Departure	Giờ dự định khởi hành
<b>FLT NR</b>	Flight Number	Số hiệu chuyến bay
<b>FPL</b>	Flight plan	Kế hoạch bay không lưu
<b>GCU</b>	Ground Control Unit	Cơ sở kiểm soát mặt đất
<b>HDB&amp;ĐPLKL</b>		Hiệp đồng bay và điều phối luồng không lưu
<b>ICAO</b>	International Civil Aviation Organization	Tổ chức HKDD quốc tế
<b>PIB</b>	Pre-flight Information Bulletin	Bản thông báo tin tức trước chuyến bay
<b>REG NR</b>	Registration Number	Số đăng bạ
<b>RMK</b>	Remark	Ghi chú
<b>TWR</b>	Aerodrome control tower	Đài kiểm soát tại sân bay
<b>UTC</b>	Coordinated Universal Time	Giờ quốc tế
<b>VIP</b>	Very important person	Chuyên cơ
<b>ĐPLKL</b>		Điều phối luồng không lưu
<b>HK</b>		Hàng không
<b>HKDD</b>		Hàng không dân dụng
<b>HKQT</b>		Hàng không quốc tế

3-0  
 TÀI  
 TIN  
 CHI  
 NG  
 VIỆT  
 TNH  
 TP

NVT		Nhân viên trực vị trí ARO
TTHK		Tin tức hàng không

29  
A  
TỦ  
NHÀ  
TỶ  
NÀ  
H  
P

## 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

### 5.1 Đối với chuyến bay đi

#### 5.1.1. Lưu đồ quá trình thực hiện

Bước	Trách nhiệm	Nội dung công việc	Biểu mẫu, tài liệu liên quan
1.	NVT		BM-DAN-ARO
2.	NVT		
3.	NVT		HD-DAN-ARO-01 HD-DAN-ARO-02
4.	NVT		
5.	NVT		
6.	NVT		
7.	Kíp trưởng		BM-ARO/AIS

S.T. NH



## 5.1.2. Diễn giải trình tự thực hiện công việc

### Bước 1. Tiếp nhận thông tin

- Nhận kế hoạch hoạt động bay ngày từ Trung tâm Quản lý luồng không lưu, lập thành file theo biểu mẫu BM-DAN-ARO.
- Nhận điện văn bổ sung, thay đổi, tăng chuyến, trì hoãn hoặc điện văn liên quan đến những chuyến bay không thường lệ v.v.
- Các tin tức liên quan đến chuyến bay chuyên cơ, hoạt động quân sự.
- Các tin tức về hoạt động bay được thông báo chính thức từ Cảng HKQT Đà Nẵng
- Làm thủ tục bay tại cơ sở ARO/AIS Đà Nẵng: Nhận FPL từ tổ lái hoặc nhân viên điều độ của hãng hàng không hoặc nhân viên trợ giúp thủ tục kế hoạch bay (bao gồm tất cả các chuyến bay chuyên cơ - VIP);
- Làm thủ tục bay từ xa:
- + Nhận dự thảo Kế hoạch bay không lưu (PROPOSAL FPL) qua hệ thống AFTN/AMHS/AIS hoặc qua email (có xác nhận bằng điện thoại) chậm nhất là:
  - **02 giờ 30 phút** trước giờ dự định khởi hành được phép (ETD - được quy ước là dự định rời vị trí đỗ (EOBT) đối với **chuyến bay nội địa**;
  - **03 giờ 30 phút** trước giờ ETD đối với **chuyến bay quốc tế**.

### Bước 2. Kiểm tra, phân tích, xử lý

Kíp trưởng là người điều hành kíp trực, phân công cho các vị trí trực trong kíp: Kíp viên được phân công sẽ kiểm tra, phân tích thông tin và báo cáo lại những trường hợp bất thường.

Kíp trưởng chịu trách nhiệm chính trong ca trực, nắm bắt và xử lý kịp thời những sai sót xảy ra; thông báo cho các đơn vị liên quan khi phát hiện những sai sót xảy ra (nếu có).

- Đối với những chuyến bay thay đổi giờ bay sớm hơn so với giờ trong kế hoạch hoạt động bay ngày (nhưng vẫn trong khung giờ hiệu lực của phép bay là trước 12 giờ so với giờ ghi trong phép bay): NVT sẽ yêu cầu tổ lái/nhân viên điều độ của hãng hàng không hoặc nhân viên trợ giúp thủ tục kế hoạch bay liên hệ trực tiếp với Kíp trực Thông báo Hiệp đồng bay thuộc Trung tâm HDB&ĐPLKL.

- Đối với những chuyến bay thay đổi giờ bay sớm hơn so với giờ ghi trong kế hoạch hoạt động bay ngày (sớm hơn so với giờ hiệu lực của phép bay): NVT sẽ yêu cầu tổ lái/nhân viên điều độ của hãng hàng không hoặc nhân viên trợ giúp thủ tục kế hoạch bay liên hệ với cơ quan có thẩm quyền cấp phép để xin cấp phép lại.

- Đối với những chuyến bay đã được cấp phép khi tổ lái/viên điều độ của hãng hàng không hoặc nhân viên trợ giúp thủ tục kế hoạch bay nộp dự thảo kế hoạch bay không lưu nhưng cơ sở ARO/AIS Đà Nẵng chưa nhận được thông báo trong kế hoạch hoạt động bay ngày (bao gồm cả sửa đổi, bổ sung) của chuyến bay đó: NVT thông báo số hiệu chuyến bay cho Kíp trực Thông báo Hiệp đồng bay để kiểm tra, đối chiếu.

- Sau khi nhận được FPL đối với những chuyến bay được cấp phép có đường bay hoạt động có điều kiện, NVT có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu FPL với kế hoạch

hoạt động bay ngày, đồng thời thông báo với Trung tâm HDB&ĐPLKL về đường bay có điều kiện trong FPL.

- Đối với trường hợp tổ lái, nhân viên điều độ của hãng hàng không và nhân viên trợ giúp thủ tục kế hoạch bay khi nộp dự thảo kế hoạch bay có thay đổi đường bay khác hoặc thay đổi giờ bay so với kế hoạch hoạt động bay ngày, NVT liên hệ với Trung tâm HDB&ĐPLKL để giải quyết.

- Thông báo kịp thời điện văn bổ sung, thay đổi, tăng chuyến, trì hoãn hoặc điện văn liên quan đến những chuyến bay không thường lệ v.v cho các nơi liên quan.

- Cung cấp Kế hoạch hoạt động bay ngày (bao gồm sửa đổi, bổ sung nếu có) cho cơ sở MET Đà Nẵng qua AFTN/AMHS/AIS hoặc e-mail;

- Đối với các chuyến bay đột xuất, không thường lệ: Cung cấp cho cơ sở MET Đà Nẵng thông tin chi tiết về kế hoạch bay không lưu.

- Đối với các chuyến bay chuyên cơ: thông báo kịp thời các điện văn liên quan đến chuyến bay chuyên cơ cho Cảng vụ hàng không miền Trung

- ***Làm thủ tục tại cơ sở ARO/AIS Đà Nẵng:***

- + NVT tiến hành kiểm tra, đối chiếu các nội dung trong dự thảo kế hoạch bay không lưu so với kế hoạch hoạt động bay ngày (bao gồm cả sửa đổi, bổ sung). Nếu có sai sót hoặc thiếu các nội dung trong FPL thì yêu cầu tổ lái hoặc nhân viên điều độ của hãng hàng không hoặc nhân viên trợ giúp thủ tục kế hoạch bay chỉnh sửa, bổ sung.

- + Sau khi chấp thuận FPL, NVT và tổ lái hoặc nhân viên điều độ của hãng hàng không hoặc nhân viên trợ giúp thủ tục kế hoạch bay ký, ghi rõ giờ nộp, họ và tên vào FPL.

- ***Làm thủ tục bay từ xa:***

- + NVT phải kiểm tra, thông báo việc chấp thuận FPL tối thiểu 60 phút trước EOBT qua hình thức phát điện văn FPL đến các địa chỉ liên quan có kèm địa chỉ nơi nộp dự thảo FPL hoặc qua hình thức gửi email tương ứng

- + Đối với trường hợp FPL không được chấp thuận hoặc cần phải sửa đổi, NVT gọi điện thoại cho nơi gửi hoặc gửi lại (xác nhận) qua hình thức tương ứng để yêu cầu sửa đổi hoặc hủy bỏ thay thế các nội dung không được chấp thuận;

- + Đối với trường hợp dự thảo FPL đã được chấp thuận nhưng hãng HK đề nghị sửa đổi, NVT yêu cầu nhân viên điều độ của hãng hàng không hoặc nhân viên trợ giúp thủ tục kế hoạch bay gửi lại FPL đã sửa đổi (quy ước là REVISED PROPOSAL FPL) cho cơ sở ARO/AIS Đà Nẵng theo đúng quy trình và đủ điều kiện làm thủ tục bay từ xa và xác nhận lại bằng điện thoại cho cơ sở ARO/AIS Đà Nẵng ngay sau khi gửi;

- + Khi PROPOSAL FPL đã được gửi cho cơ sở ARO/AIS mà chuyến bay đó bị trì hoãn vượt quá 30 phút so với giờ dự định rời vị trí đỗ, nhân viên điều độ/nhân viên trợ giúp thủ tục kế hoạch bay phải gửi lại REVISED PROPOSAL FPL, thông báo bằng điện thoại cho NVT để phát điện văn FPL có liên quan.

*Ghi chú: Không áp dụng đối với chuyến bay chuyên cơ (VIP).*

### **Bước 3. Phát điện văn FPL**

- NVT phát điện văn FPL (đảm bảo không muộn hơn 05 phút so với giờ FPL được chấp thuận đối với chuyến bay thường lệ và không muộn hơn 15 phút so với giờ

FPL được chấp thuận đối với chuyến bay không thường lệ) đến các cơ sở ATS có liên quan và các đơn vị khác khi có yêu cầu.

- Đối với trường hợp có nhiều chuyến bay nộp FPL cùng một lúc thì chuyến bay nào có giờ EOBT sớm hơn sẽ được ưu tiên phát trước, ngoại trừ chuyến bay chuyên cơ.

- Thực hiện phát điện văn FPL trên hệ thống AFTN/AMHS/AIS. Phát điện văn trên hệ thống AIS tự động theo phụ lục **HD-DAN-ARO-1**; hoặc trên hệ thống AFTN theo phụ lục **HD-DAN-ARO-2**; trên hệ thống AMHS theo tài liệu hướng dẫn khai thác hệ thống AMHS.

#### **Bước 4. Kiểm soát FPL và ĐVKL liên quan**

- Trong trường hợp FPL đã phát, NVT nhận được thông báo chuyến bay từ tổ lái hoặc nhân viên điều độ của hãng hàng không hoặc nhân viên trợ giúp thủ tục kế hoạch bay liên quan hoặc TWR có thay đổi (hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung....) (đối với các chuyến bay khởi hành không thực hiện đúng FPL đã dự định mà chuyến bay đó có trì hoãn vượt quá 30 phút so với giờ dự định rời vị trí đỗ đối với chuyến bay có kiểm soát và 60 phút đối với chuyến bay không có kiểm soát): Phát điện văn liên quan (DLA, CHG, CNL...).

*Ghi chú: Thông báo kịp thời các điện văn liên quan đến chuyến bay chuyên cơ cho Cảng vụ Hàng không miền Trung.*

- Khi chuyển phát FPL và các ĐVKL, NVT kiểm tra các nội dung sau: các địa chỉ chuyển phát, tình trạng điện văn đã phát và xử lý khi có sai sót hoặc bị lỗi.

- Trường hợp có phản hồi từ các đơn vị có liên quan về điện văn FPL đã phát, NVT kiểm tra, xử lý. Nếu thấy thông tin phản hồi phù hợp, cần phải chỉnh sửa FPL thì NVT thông báo cho tổ lái hoặc nhân viên điều độ của hãng hàng không hoặc nhân viên trợ giúp thủ tục kế hoạch bay liên quan để xử lý. Trong trường hợp tổ lái hoặc nhân viên điều độ của hãng hàng không hoặc nhân viên trợ giúp thủ tục kế hoạch bay đã rời khỏi cơ sở ARO/AIS thì NVT chủ động phối hợp với nhân viên TWR để thông báo cho tổ lái biết thông qua thoại vô tuyến và yêu cầu nộp lại FPL.

#### **Bước 5. Nhận giờ cất cánh thực tế, phát điện văn DEP**

- NVT nhận giờ cất cánh thực tế từ TWR phát điện văn cất cánh qua hệ thống AFTN/AMHS/AIS đến các cơ sở ATS có liên quan và các đơn vị khác khi có yêu cầu (thời gian phát điện văn cất cánh không được muộn hơn 03 phút sau khi nhận được thông tin).

*Ghi chú: Thông báo kịp thời các điện văn liên quan đến chuyến bay chuyên cơ cho Cảng vụ Hàng không miền Trung.*

#### **Bước 6. Xử lý các trường hợp phát sinh sau khi tàu bay cất cánh**

- Trong trường hợp nhận được thông tin các chuyến bay đã cất cánh nhưng có lý do đặc biệt về thời tiết, kỹ thuật, v.v. mà tàu bay phải quay lại hạ cánh thì NVT phát điện văn cho các cơ sở ATS có liên quan và các đơn vị khác khi có yêu cầu theo mẫu như sau:

(ARR-HVN215-VVDN1100-VVNB-VVDN1238)

*Trong đó:*

- 11h00 là giờ EOBT hoặc là giờ thực tế khởi hành;
- 12h38 là giờ hạ cánh thực tế.

*Ghi chú: Thông báo kịp thời các điện văn liên quan đến chuyến bay chuyên cơ cho Cảng vụ Hàng không miền Trung.*

- Sau khi phát điện văn DEP, nếu nhận được thông tin có sai sót, NVT phải kiểm tra lại điện văn DEP đã phát. Nếu đúng có sai sót, NVT hủy điện văn sai và sửa điện văn liên quan theo quy định.

#### **Bước 7. Tổng hợp, lưu trữ**

- NVT có trách nhiệm báo cáo kịp trưởng.
- Kíp trưởng kíp trực tổng hợp các nội dung, báo cáo cán bộ trực cơ sở.
- Kíp trưởng kíp trực ghi chép mọi sự việc xảy ra trong ca trực vào Sổ nhật ký giao ca trực theo biểu mẫu **BM-ARO/AIS**.
- Hồ sơ lưu theo mục 6 của quy trình này.

1100  
TH  
IANG  
T  
QUAN  
C  
NG

## 5.2 Đối với chuyến bay đến

### 5.2.1 Lưu đồ thực hiện

Bước	Trách nhiệm	Nội dung công việc	Biểu mẫu, tài liệu liên quan
1.	NVT	<pre> graph TD     A([Tiếp nhận thông tin]) --&gt; B{Kiểm tra, phân tích, xử lý}     B --&gt; C[Nhận giờ hạ cánh thực tế, phát điện văn ARR]     C --&gt; D[Xử lý các trường hợp phát sinh sau khi phát điện văn ARR]     D --&gt; E([Tổng hợp, lưu trữ])                     </pre>	
2.	NVT		
3.	NVT		
4.	NVT		
5.	Kíp trưởng		

### 5.2.2 Diễn giải

#### Bước 1. Tiếp nhận thông tin

- Nhận, khai thác FPL, điện văn cất cánh của các chuyến bay đến.
- Nhận giờ hạ cánh thực tế từ TWR.
- Nhận thông tin các chuyến bay đã cất cánh từ sân bay Đà Nẵng nhưng có lý do đặc biệt về thời tiết, kỹ thuật, v.v. mà tàu bay phải quay lại hạ cánh.

#### Bước 2. Kiểm tra, phân tích, xử lý

NVT kiểm tra FPL, điện văn cất cánh của các chuyến bay đến qua AFD của hệ thống AIS hoặc AFTN/AMHS.

Khi nhận được thông tin liên quan đến các tình huống bất thường:

- Ghi lại tên người thông báo, nội dung thông báo (Số hiệu chuyến bay, đường bay; nguyên nhân) và giờ nhận thông báo vào Sổ nhật ký giao ca trực;
- Trong trường hợp nhận được thông tin chuyến bay chuyển hướng về sân bay Đà Nẵng vì lý do đặc biệt về thời tiết, kỹ thuật, v.v. thì NVT phát điện văn cho các cơ sở ATS liên quan biết theo mẫu như sau:

(ARR-HVN246-VVTS0100-VVPB-VVDN0230)

*Trong đó:*

- 01h00 là giờ EOBT hoặc là giờ thực tế khởi hành từ sân bay Tân Sơn Nhất;
- 02h30 là giờ hạ cánh thực tế (tại sân bay Đà Nẵng).
- Báo cáo cán bộ trực cơ sở.

### **Bước 3: Nhận giờ hạ cánh thực tế, phát điện văn ARR**

- Nhận giờ hạ cánh thực tế từ TWR, phát điện văn hạ cánh (ARR) qua hệ thống AFTN/AMHS/AIS đến các cơ sở ATS có liên quan và các đơn vị khác khi có yêu cầu.

*Ghi chú: Thông báo kịp thời các điện văn liên quan đến chuyến bay chuyên cơ cho Cảng vụ Hàng không miền Trung.*

### **Bước 4. Xử lý các trường hợp phát sinh sau khi phát điện văn ARR**

Sau khi phát điện văn ARR, nếu nhận được thông tin có sai sót, NVT phải kiểm tra lại điện văn ARR đã phát và sửa điện văn liên quan theo quy định.

### **Bước 5. Tổng hợp, lưu trữ**

- NVT có trách nhiệm báo cáo kịp trường.
- Kíp trưởng tổng hợp các nội dung, báo cáo cán bộ trực giám sát cơ sở.
- Kíp trưởng ghi chép mọi sự việc xảy ra trong ca trực vào Sổ nhật ký giao ca trực theo biểu mẫu **BM-ARO/AIS**.
- Hồ sơ lưu theo mục 6 của quy trình này.

4-6  
3 TÂN  
D TÂN  
- CH  
ÔNG  
VIỆ  
VTN

## 6. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Tên hồ sơ	Nơi quản lý	Thời gian lưu
1.	Sổ nhật ký giao ca trực	Trung tâm ARO/AIS ĐN	90 ngày
2.	FPL và các điện văn ATS	Trung tâm ARO/AIS ĐN	90 ngày
3.	Kế hoạch hoạt động bay hàng ngày	Trung tâm ARO/AIS ĐN	30 ngày
4.	Báo cáo sau khi bay (nếu có)	Trung tâm ARO/AIS ĐN	30 ngày
5.	Biểu mẫu ARR/DEP	Trung tâm ARO/AIS ĐN	90 ngày

## 7. PHỤ LỤC KÈM THEO

STT	Mã hiệu	Nội dung biểu mẫu
1.	BM-ARO/AIS	Sổ nhật ký giao ca trực
2.	BM-DAN-ARO	Mẫu điện văn ARR/DEP
3.	HD-DAN-ARO-1	Hướng dẫn phát điện văn FPL và điện văn ATS trên hệ thống AIS tự động
4.	HD -DAN-ARO-2	Hướng dẫn phát điện văn FPL và điện văn ATS trên hệ thống AFTN

39  
H  
T  
NH  
TY  
NAN  
H  
H

TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM  
TRUNG TÂM THÔNG BÁO TIN TỨC HÀNG KHÔNG

---



SỔ NHẬT KÝ GIAO CA TRỰC

CƠ SỞ ARO/AIS

.....

THÁNG.....

NĂM 20.....

T. 11. 1991  
H. 1001



# NỘI DUNG GIAO CA

## I. Thời gian trực:

Từ .....UTC ngày....tháng....năm 20.... đến .....UTC ngày....tháng....năm 20...

## II. Ca/kíp trực:

Kíp trưởng/Trực chính: .....

Kíp viên: .....

## III. Tình hình trang thiết bị, phương tiện trong lao động

Stt	Tên phương tiện	Tình trạng		Giải trình
		BT	Lỗi	
1.	Đầu cuối hệ thống AIS tự động			
2.	Đầu cuối hệ thống AFTN			
3.	Đầu cuối hệ thống AMHS			
4.	Đầu cuối hệ thống NOTAM bán tự động			
5.	Hệ thống camera giám sát			
6.	Hệ thống ghi âm			
7.	Phương tiện thông tin liên lạc			
8.	Tình trạng hoạt động của các thiết bị văn phòng			

## IV. Diễn biến ca trực:

### 1. Công tác chuyên môn đã thực hiện:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**2. Công việc cần tiếp tục theo dõi, thực hiện**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**3. Ghi nhận thông tin về chuyến bay chuyên cơ hoặc chuyến bay đặc biệt trong ngày:**  
(số hiệu chuyến bay, chặng bay, giờ cất/hạ cánh thực tế, NOTAM VIP liên quan)

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**4. Các nội dung liên quan khác (Các công việc hành chính, Đảng, đoàn.....):**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Người bàn giao ca**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Người nhận ca**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

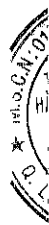
## HƯỚNG DẪN GHI SỔ NHẬT KÝ GIAO CA TRỰC

### I. Quy định chung

1. Sổ nhật ký giao ca trực là tài liệu có mục đích ghi và lưu trữ các sự việc quan trọng xảy ra trong quá trình cung cấp dịch vụ, việc khai thác hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị, các nội dung khác cần chú ý có liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tại cơ sở.
2. Sổ nhật ký giao ca trực phải có tại mỗi cơ sở cung cấp dịch vụ, phải được đánh số trang liên tục. Dữ liệu ghi vào Sổ phải rõ ràng, dễ đọc, **không được tẩy xóa**. Tin tức không chính xác phải được gạch đi và tin tức chỉnh sửa được điền vào bên cạnh.
3. Thời gian ghi theo giờ quốc tế (UTC), cần phải chính xác về thời gian xảy ra sự cố, thời gian xử lý bắt đầu và kết thúc.
4. Số liệu ghi vào Sổ do nhân viên đang trực tại vị trí thực hiện, bao gồm các chi tiết để người đọc hiểu đúng và đầy đủ về hành động đã thực hiện.
5. Số liệu ghi vào Sổ thực hiện theo trình tự thời gian, đồng bộ theo các sự việc xảy ra và hành động đã thực hiện.
6. Khi kết thúc nội dung từng mục hoặc không có thông tin ghi vào phải có dấu gạch chéo để khóa nội dung.
7. Khi cần thay Sổ mới, phải lưu trữ Sổ cũ theo quy định.
8. Mỗi quyển Sổ nhật ký giao ca trực dùng trong một tháng.

### II. Hướng dẫn ghi Sổ nhật ký giao ca trực

1. Ca/kíp trực: Ghi tên các nhân viên tham gia trực trong ca.
2. Tình hình trang thiết bị, phương tiện lao động: Căn cứ vào tình hình thực tế diễn ra trong ca trực của các trang thiết bị để đánh dấu X (bình thường (BT) hoặc lỗi). Nếu có sự cố, sự vụ xảy ra thì cần mô tả ngắn gọn trong phần giải trình.
3. Diễn biến ca trực:
  - Công tác chuyên môn đã thực hiện: Ghi rõ các nội dung đã tiến hành, các dạng công việc cụ thể trong ca trực.
  - Công việc cần tiếp tục theo dõi, thực hiện: Những công việc chuyên môn chưa giải quyết xong và cần bàn giao lại cho ca sau thì mô tả nội dung, yêu cầu tiến độ thực hiện người liên quan...; hiện trạng hoạt động của các hệ thống trang bị, thiết bị kỹ thuật nếu hỏng hóc, có sự cố mà chưa khắc phục xong.
4. Thông tin về chuyến bay chuyên cơ hoặc chuyến bay đặc biệt: Ghi rõ ràng các mục đã liệt kê và ghi bổ sung các thông tin khác nếu có. Nếu không có thì gạch chéo.
5. Các nội dung liên quan khác: Các nội dung bàn giao khác chưa được nêu trong phần trên thì được ghi trong mục này, ví dụ: Các công việc hành chính, Đảng, đoàn.....Nếu không có phải gạch chéo.
6. Ký giao nhận ca: Kíp trưởng/trực chính ca cũ giao ca cho kíp trưởng/trực chính ca mới phải ký và ghi đủ họ tên.



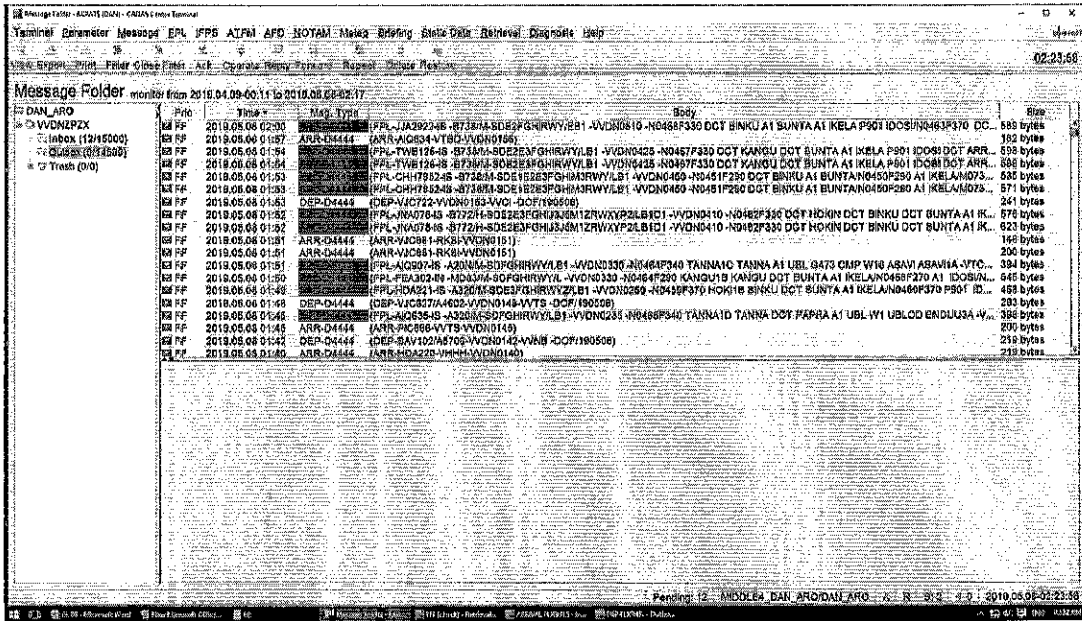
**DEP ACFT DATE ..../..../.....**

NO	CALLSIGN	ROUTE	ETD	ALTN	FPL	PIB	REMARKS
1.							
2.							
3.							
4.							
5.							
6.							
7.							
8.							
9.							
10.							
11.							
12.							
13.							
14.							
15.							
16.							
17.							
18.							
19.							
20.							
21.							
22.							
23.							
24.							
25.							

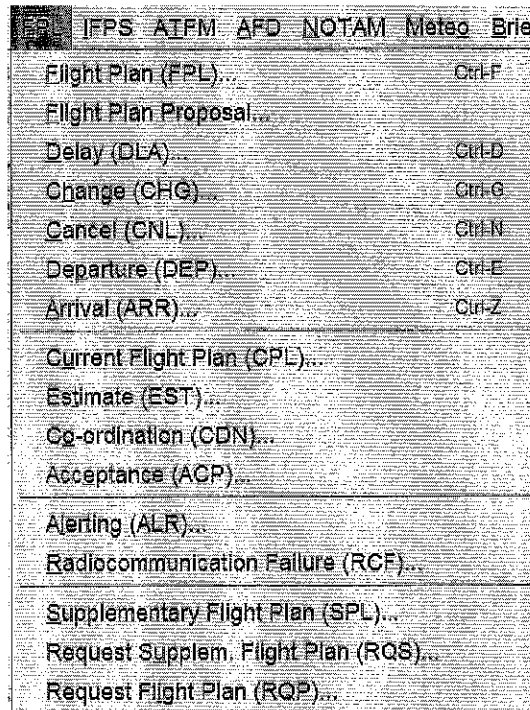
3071  
 TI  
 HON  
 WAK  
 TC  
 QUAN  
 G  
 21/12

# HƯỚNG DẪN CUNG CẤP DỊCH VỤ THỦ TỤC BAY TRÊN HỆ THỐNG AIS TỰ ĐỘNG

Màn hình chính của hệ thống AIS:



Từ màn hình chính, người khai thác có thể tạo các điện văn FPL và các điện văn ATS liên quan ICAO quy định từ các dạng mẫu tiền định.



Cơ chế nhắc nhở và kiểm tra hỗ trợ người khai thác để điền vào các mẫu này một cách chính xác.

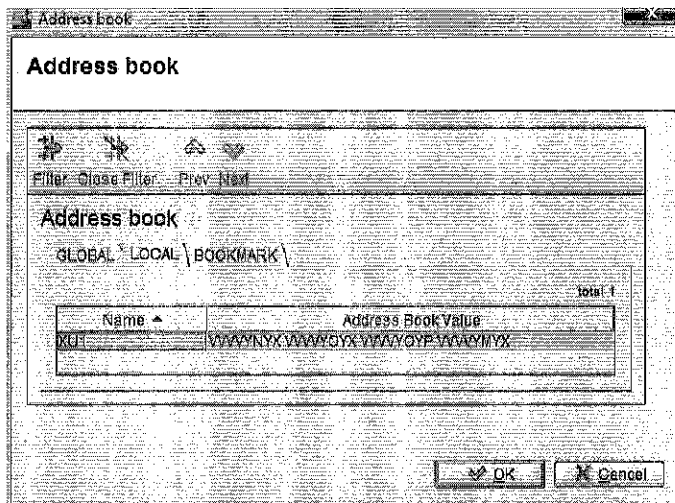
## I. Soạn thảo điện văn FPL và các điện văn ATS liên quan từ menu FPL

### 1. Điện văn kế hoạch bay FPL

Hệ thống kiểm tra việc nhập dữ liệu vào một mẫu điện văn của người khai thác xem có chính xác không, có thể ngay khi nhập dữ liệu (ví dụ không chấp nhận các chữ

362  
CUNG  
G BÀ  
HÔNG  
NG C  
LY B  
ÔNG  
BIỆ

thoại AFTN Address List sẽ được mở ra để người khai thác lựa chọn.



Khi người khai thác nhấn OK, hệ thống nhập các địa chỉ nhận đã được ấn định trong danh sách này vào **Addressees field** - *Trường địa chỉ nhận*.

### 1.2 Filing time – Thời gian nộp điện văn

Trường này Hệ thống tự điền, người khai thác không thể tự nhập để đảm bảo sự thống nhất của cơ sở dữ liệu.



### 1.3 Originator - Người khởi tạo

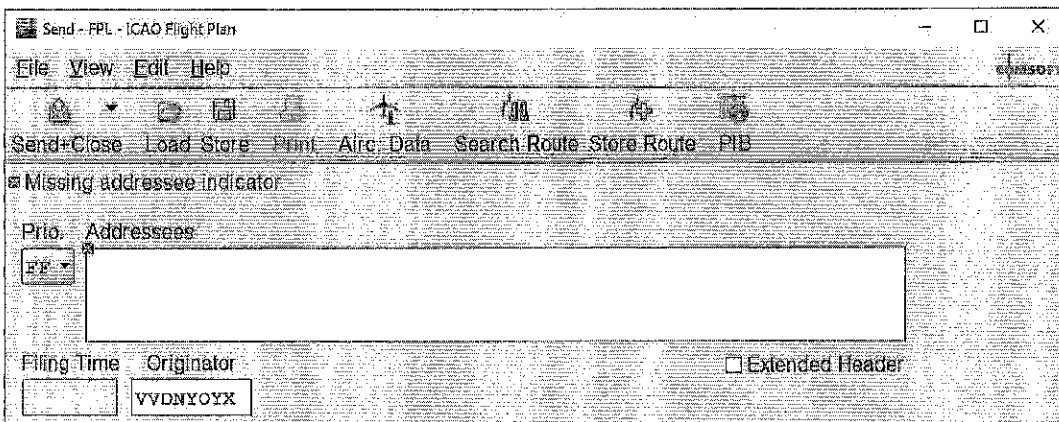
Hệ thống tự động nhập địa chỉ AFTN của người truy cập vào trường này. Tuy nhiên, người khai thác có thể thay đổi được trường này nếu muốn.



### 1.4 Address to IFPS (Initial Flight Plan Processing System) - Gắn địa chỉ đến Hệ thống xử lý điện văn Kế hoạch bay ban đầu

Khi được đánh dấu chọn, hệ thống tự động thêm các địa chỉ IFPS vào các trường địa chỉ nhận đầu tiên. Các địa chỉ IFPS được mặc định thông qua *Đầu cuối Quản trị*.

Người khai thác hãy so sánh 02 giao diện trước và sau khi đánh dấu chọn vào mục Address to IFPS.



1-0  
TÀ  
0TI  
-CH  
0NG  
YV  
YV  
N -

## b. SSR

Người khai thác có thể xác định **SSR – Secondary Surveillance Radar – Rada giám sát thứ cấp** bắt đầu với chữ cái "A", theo sau là 4 con số. Ví dụ: A2010

### 1.6 Field 8 - Flight Rules - Quy tắc bay

8/Flight Rules	I	Type of Flight	
----------------	---	----------------	--

#### a. Flight Rules:

Xác định **Flight Rules** – quy tắc bay bằng một chữ cái đơn ("I", "V", "Y", hoặc "Z").

- **I: Instrument Flight Rule** - Nếu toàn bộ chuyến bay được thực hiện theo quy tắc bay bằng thiết bị
- **V: Visual Flight Rule** - Nếu toàn bộ chuyến bay được thực hiện theo Quy tắc bay bằng mắt
- **Y:** Nếu chuyến bay sử dụng IFR trước, sau đó ít nhất là một sự thay đổi về quy tắc bay (và phải nêu các điểm thay đổi quy tắc bay trong Trường 15)
- **Z:** Nếu chuyến bay sử dụng VFR trước, sau đó ít nhất là một sự thay đổi về quy tắc bay (và phải nêu các điểm thay đổi quy tắc bay trong Trường 15)

#### b. Types of flight

Người khai thác có thể xác định **Type of Flight** – *loại chuyến bay* bằng một chữ cái

- **G** – General: Chuyến bay hàng không chung
- **M** – Military: Chuyến bay quân sự
- **N** – Non-Scheduled: Chuyến bay không được lên lịch
- **S** – Scheduled: Chuyến bay đã lên lịch
- **X:** Các chuyến bay khác không thuộc các loại trên, khi đó thì phải mô tả cụ thể loại chuyến bay tại mục STS/ trong trường 18

### 1.7 Field 9 – Number – Số lượng tàu bay

9/Number		Type of Aircraft		Wake Turbulence	H
----------	--	------------------	--	-----------------	---

#### a. Number:

Người khai thác có thể xác định **Number** – *Số lượng tàu bay* sử dụng Kế hoạch bay này (áp dụng cho bay tốp, bay biểu diễn) bằng một hoặc hai con số.

#### b. Type of Aircraft

Nhập **Type of Aircraft (M)** – *loại tàu bay* – bằng hai hoặc bốn ký tự, hoặc nhập "ZZZZ".

Nếu **Number** – số lượng tàu bay lớn hơn "1", người khai thác phải nhập "ZZZZ". Với "ZZZZ" người khai thác cần nêu chi tiết về loại tàu bay trong trường **Other** (xem **Field 18**).

Người khai thác có thể nhập loại tàu bay bằng tay. Tuy nhiên, người khai thác cũng có thể để hệ thống tìm kiếm giúp người khai thác. Để làm vậy, kích chuột phải vào trường **Type of Aircraft - Loại tàu bay** để mở hộp thoại **Search Aircraft Type**. Người khai thác có thể chỉ cần liệt kê tất cả các loại tàu bay mà hệ thống nhận biết được bằng cách

<b>D</b>	DME
<b>E1</b>	FMC WPR ACARS, trong đó: WPR – Waypoint reporting D-FIS – Data Link flight information services PDC – Pre-Departure Clearance ACARS – Aircraft Communication and Reporting System
<b>E2</b>	D-FIS ACARS
<b>E3</b>	PDC ACARS
<b>F</b>	ADF
<b>G</b>	GNSS (và phải khai báo rõ loại sensor nào ở trường 18 sau mục NAV/)
<b>H</b>	HF RTF
<b>I</b>	Inertial Navigation
<b>J1</b>	CPDLC ATN VDL Mode 2
<b>J2</b>	CPDLC FANS 1/A HF DL
<b>J3</b>	CPDLC FANS 1/A VDL Mode A
<b>J4</b>	CPDLC FANS 1/A VDL Mode 2
<b>J5</b>	CPDLC FANS 1/A SATCOM (INMARSAT)
<b>J6</b>	CPDLC FANS 1/A SATCOM (MTSAT)
<b>J7</b>	CPDLC FANS 1/A SATCOM (Iridium)
<b>K</b>	MLS
<b>L</b>	ILS
<b>M1</b>	ATC RTF SATCOM (INMARSAT)
<b>M2</b>	ATC RTF (MTSAT)
<b>M3</b>	ATC RTF (Iridium)
<b>O</b>	VOR
<b>P1-P9</b>	Reserved for RCP (chức năng liên lạc theo yêu cầu RCP - <i>Required Communications Performance</i> )
<b>R</b>	PBN approved ( <i>Máy bay có trang bị tương thích với PBN, khi có khai báo R trong trường 10a, phải khai báo loại sensors nào trong mục PBN/tại trường 18</i> )
<b>T</b>	TACAN
<b>U</b>	UHF RTF
<b>V</b>	VHF RTF
<b>W</b>	RVSM approved ( <i>máy bay được chấp thuận bay trong môi trường RVSM</i> )
<b>X</b>	MNPS approved ( <i>máy bay được chấp thuận bay trong môi trường dẫn đường tối thiểu MPNS cho vùng Bắc Đại Tây Dương - Minimum Navigation Performance Specification Airspace</i> )
<b>Y</b>	VHF with 8.33 kHz channel spacing capability ( <i>máy bay có trang bị độ phân giải 8.33 Khz trong VHF</i> )
<b>Z</b>	Other equipment carried or other capabilities ( <i>Những trang thiết bị khác và khả năng của trang thiết bị mà tàu bay có trang bị, được mô tả trong mục COM/ hoặc NAV/ hoặc DAT/ trong trường 18</i> ). ( <i>Chi tiết xem tại Tập tu chính số 1 của Tài liệu DOC 4444 - PANS_ATM xuất bản lần thứ 15</i> ).

**b. Surveillance and capabilities- Thiết bị giám sát và khả năng của chúng**

Nhập vào: N nếu không có thiết bị giám sát cho đường bay được thực hiện, hoặc có thiết bị giám sát nhưng không hoạt động.



trường 13 ZZZZ và mô tả tên sân bay và vị trí của sân bay tại mục DEP/ trong trường 18 hoặc đài không vận đầu tiên xác định đường bay sau DEP/

Nhập thời gian khởi hành **Time (M)** có hiệu lực (hhmm-02 số chỉ giờ, 02 số chỉ phút).

### 1.10 Field 15 - Speed – Tốc độ

15/Speed	<input type="text"/>	Altitude/Level	<input type="text"/>
----------	----------------------	----------------	----------------------

**Cruising Speed (M):** Xác định **tốc độ bay đường dài** bằng một chữ cái ("M", "K", "N"), theo sau bởi ba con số (đối với "M") hoặc bốn con số (đối với "K", "N"), trong đó:

- **K** - Kilometres per hour (Tốc độ thực = Km/h), ví dụ: K0830
- **N** – Knots (Tốc độ thực = Knot/h), ví dụ: N0485
- **M** – Mach (Số Mach = Tỷ lệ tốc độ máy bay/ tốc độ âm thanh), ví dụ: M082

**Cruising Altitude/Level (M) – Mục bay/Độ cao bay đường dài** bao gồm các lựa chọn để người khai thác nhập giá trị như sau:

- Nhập chữ cái “F” theo sau bởi 03 số thể hiện mục bay, ví dụ: F330;
- Nhập chữ cái “S” theo sau bởi 04 số thể hiện mục bay tiêu chuẩn theo mét, ví dụ mục bay 370 được thể hiện bằng S1130;
- Nhập chữ cái “A” theo sau bởi 03 số thể hiện độ cao bằng phần trăm của Feet, nghĩa là một độ cao bay 4 500 feet được thể hiện bằng A045;
- Nhập chữ cái “M” theo sau bởi 04 số thể hiện độ cao bằng phần mười của mét, nghĩa là độ cao 8 400 m được thể hiện bằng M0840.

Ngoài ra, người khai thác có thể nhập giá trị "VFR".

### 1.11 Field Route – Đường bay

Route	<input type="text"/>
-------	----------------------

Các thông tin liên quan đến đường bay cần được nhập chi tiết, bao gồm: tên điểm, đường bay, đài, ví dụ như sau:

DCT PIBOS R208 IKUKO R208 IGARI M765 BITOD L637 TSN W1 BU W12 PCA G221 BUNTA A1 IKELA DCT IDOSI

Hoặc: NOB W1 TSN

### 1.12 Field 16 - Destination - Sân bay hạ cánh

16/Destination	<input type="text"/>	Total EET	<input type="text"/>	Alternate	<input type="text"/>	2nd	<input type="text"/>
----------------	----------------------	-----------	----------------------	-----------	----------------------	-----	----------------------

Nhập một chỉ danh sân bay **Destination (M)** gồm có 4 ký tự, tên sân bay phải được miêu tả trong tài liệu Định danh sân bay Doc 7910, nếu không có, điền vào trường 16 ZZZZ và mô tả tên sân bay và vị trí của sân bay tại mục DEST/trong trường 18 sau đó không có khoảng trắng điền vào tổng thời gian bay.

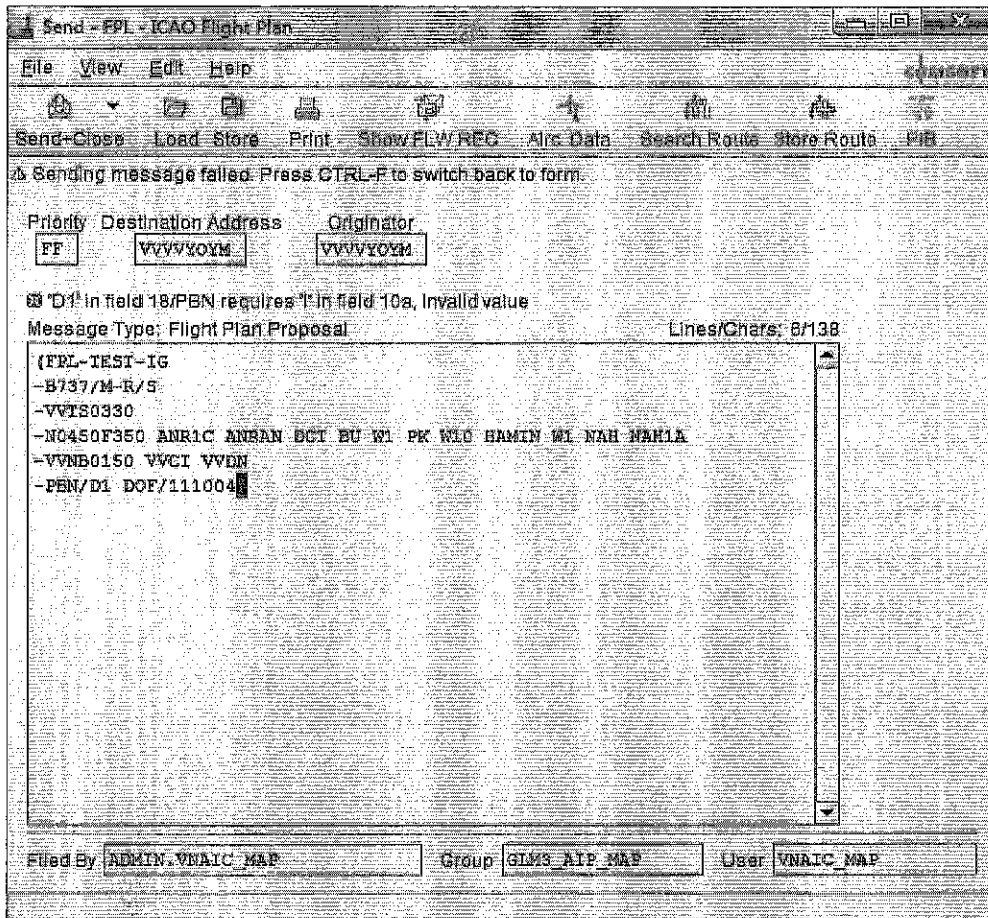
Xác định **Total EET (M) – Total Estimated Elapsed Time** – Tổng thời gian bay dự kiến (hhmm).

<b>SEL</b>	Selective Calling
<b>TYP</b>	Type of Aircraft – Loại tàu bay
<b>CODE</b>	ICAO Code – Mã do ICAO quy định
<b>DLE</b>	Delay - Hoãn
<b>OPR</b>	Operation – Khai thác
<b>ORGN</b>	Original – Gốc
<b>PER</b>	Performance
<b>ALTN</b>	Alternate Aerodrome – Sân bay dự bị
<b>RALT</b>	En-route Alternate Aerodrome – Sân bay dự bị trên đường bay
<b>TALT</b>	Take-off Alternate Aerodrome – Sân bay dự bị cất cánh
<b>RIF</b>	Route In Flight – Đường bay
<b>RMK</b>	Remark – Ghi chú

Trường **Other** cho phép người khai thác nhập thêm thông tin.

Nếu không có thêm thông tin, hãy nhập "0".

- **STS/:** Những thông tin sau đây mô tả tình trạng của chuyến bay, nếu tình trạng của chuyến bay không nằm trong những liệt kê dưới đây, mô tả tình trạng chuyến bay tại mục RMK/
- **ALTRV:** Cho chuyến bay hoạt động trong điều kiện hạn chế độ cao
- **ATFMX:** Cho một chuyến bay được chấp thuận miễn trừ các biện pháp quản lý luồng không lưu bởi thẩm quyền ATS thích hợp
- **FFR:** Cho chuyến bay cứu hỏa
- **FLTCK:** Cho chuyến bay hiệu chuẩn
- **HAZMAT:** Cho chuyến bay chở các vật liệu nguy hiểm;
- **HEAD:** Cho chuyến bay chở Nguyên thủ quốc gia;
- **HOSP:** Chuyến bay cứu thương;
- **HUM:** Cho chuyến bay vì mục đích nhân đạo;
- **MARSA:** cho một chuyến bay mà quân sự nhận trách nhiệm phân cách với các máy bay quân sự;
- **MEDEVAC:** cho chuyến bay sơ tán khẩn cấp y tế quan trọng (chuyến thương binh khỏi mặt trận)
- **NONRVSM:** cho chuyến bay không có RVSM dự kiến hoạt động trong môi trường RVSM;
- **SAR:** cho chuyến bay làm nhiệm vụ tìm kiếm, cứu nạn;
- **STATE:** cho chuyến bay liên quan đến các dịch vụ cảnh sát, hải quan hay quân sự
- **PBN: chiều dài maximum là 16 ký tự (8 loại dẫn đường)**
- **A1** - RNAV 10 (RNP 10)
- **B1** - RNAV 5 tất cả cảm biến được phép
- **B2** - RNAV 5 GNSS
- **B3** - RNAV 5 DME/DME
- **B4** - RNAV 5 VOR/DME
- **B5** - RNAV 5 INS or IRS
- **B6** - RNAV 5 LORANC
- **C1** - RNAV 2 tất cả cảm biến được phép
- **C2** - RNAV 2 GNSS
- **C3** - RNAV 2 DME/DME



### 1.14 Field 19 - Supplementary Information - Tin tức Bổ sung

19/Endurance	<input type="text"/>	Persons on Board	<input type="text"/>	Emergency Radio	<input type="checkbox"/> U <input type="checkbox"/> V <input type="checkbox"/> E
Survival Equipment	<input type="checkbox"/> S <input type="checkbox"/> P <input type="checkbox"/> D <input type="checkbox"/> M <input type="checkbox"/> J	Jackets	<input type="checkbox"/> J <input type="checkbox"/> L <input type="checkbox"/> F <input type="checkbox"/> U <input type="checkbox"/> V		
Dinghies	<input type="checkbox"/> D	Number	<input type="text"/>	Capacity	<input type="text"/>
		Cover	<input type="checkbox"/> C	Colour	<input type="text"/>
Colour and Markings	<input type="text"/>				
Remark	<input type="text"/>				
Pilot	<input type="text"/>				

Tài liệu ICAO 4444 yêu cầu Tin tức Bổ sung không được đưa vào một kế hoạch bay. Do đó, CADAS sẽ không gửi một kế hoạch bay với Tin tức Bổ sung lấy từ trường 19 dán vào. Tuy nhiên, người khai thác có thể ghi Tin tức Bổ sung vào mẫu/mẫu điền sẵn FPL để sử dụng sau. Khi gửi kế hoạch bay, CADAS bỏ lại tin tức này; dù vậy, điện văn được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu sẽ bao gồm cả Tin tức Bổ sung. Điều này cho phép người khai thác truy xuất FPL sau đó, mở nó dưới dạng SPL, và chỉ gửi Tin tức Bổ sung.

Xác định **Endurance** – lượng nhiên liệu (hhmm); giá trị người khai thác nhập vào phải lớn hơn **Total EET**. Ví dụ: Total EET là 0200 thì **Endurance** phải lớn hơn 0200.

Nhập số người trên tàu bay **Persons on Board** ("0"- "999", "TBN").

Đối với các mục **Emergency Radio – Tần số khẩn nguy**, **Survival Equipment- Thiết bị cứu nạn**, **Jackets – Áo cứu hộ**: gạch bỏ các chữ cái thích hợp.

Send - Flight plan proposal

File View Edit Help

Send+Close Load Store Print Airc Data PIB

Missing wake turbulence

Priority: FF Destination Address: VVVVYOYK Originator: VVVVYOYP

▶ Extra Addressees

7/Aircraft ID: [ ] SSR: [ ]

8/Flight Rules: T Type of Flight: G

9/Number: [ ] Type of Aircraft: [ ] Wake Turbulence: [ ]

10/Equipment: [ ]

13/Departure Time: [ ]

15/Speed: [ ] Altitude/Level: [ ]

Route: [ ]

16/Destination: [ ] Total EET: [ ] Alternate: [ ] 2nd: [ ]

18/Other: DOF/120412

Activate supplementary information Item 18 information is sent with message

Filed By: GLM3\_AIP\_MAP.VNAIC\_AIP Group: GLM3\_AIP\_MAP User: VNAIC\_AIP

Nếu người khai thác gửi một dự thảo, và nếu dự thảo này bị từ chối bằng một điện văn REJ, người khai thác có thể nhấn chuột phải vào điện văn REJ và chọn lệnh **Send and updated FPL Proposal – Gửi một dự thảo KBH cập nhật** để người khai thác có thể mở một dự thảo và chỉnh sửa. Nếu dự thảo của người khai thác xung đột với một KHB, hệ thống hiển thị dữ liệu của KHB này thay vì dữ liệu người khai thác gửi ban đầu trong dự thảo KHB của người khai thác.

## 2.2 Delay (DLA) – Điện văn trì hoãn

Điện văn này được tạo và gửi nếu 1 chuyến bay khởi hành muộn hơn dự kiến 30 phút. Người khai thác tham khảo một mẫu Điện văn trì hoãn như sau:

Send - DLA - Delay

File View Edit Help

Send+Close Load Store Print

Missing addressee indicator

Prio.: FF Addressee: [ ]

Filing Time: [ ] Originator: VVDNZPZX  Extended Header

Address To IFPS  Validate By IFPS

7/Aircraft ID: [ ] SSR: [ ]

13/Departure Time: [ ]

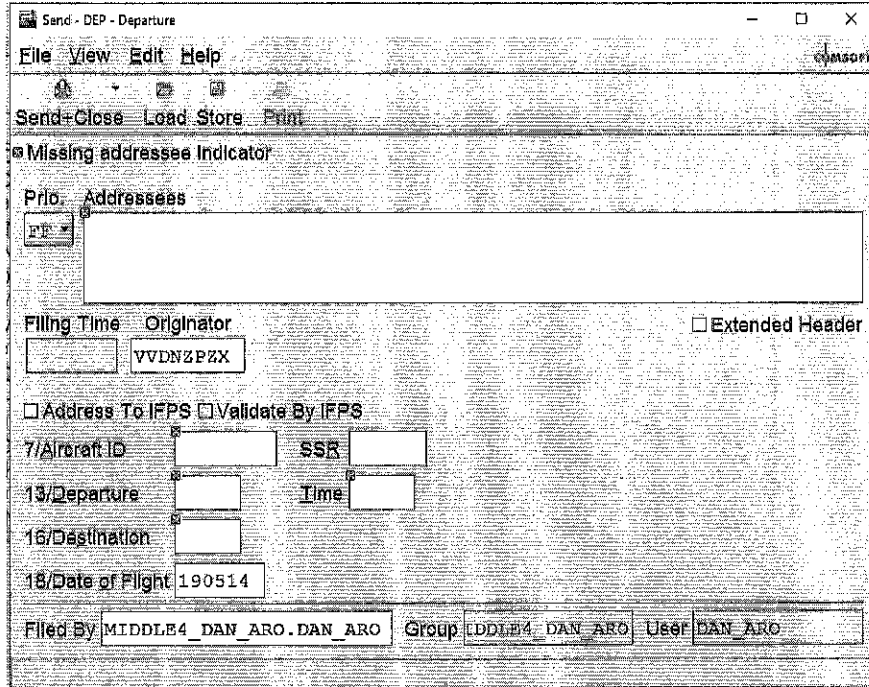
16/Destination: [ ]

18/Date of Flight: 190514

Filed By: MIDDLE4 DAN ARO.DAN ARO Group: EDDLE4 DAN ARO User: DAN ARO

## 2.5 Departure (DEP) – Điện văn cất cánh

Điện văn này được tạo và gửi ngay sau khi chuyến bay cất cánh. Người khai thác tham khảo một mẫu Điện văn cất cánh như sau:



Send - DEP - Departure

File View Edit Help

Send+Close Load Store Print

Missing addressee indicator

Prio. Addressees

FF

Filing Time Originator  Extended Header

VVDNZPZX

Address To IFPS  Validate By IFPS

7/Aircraft ID  SSR

13/Departure  Time

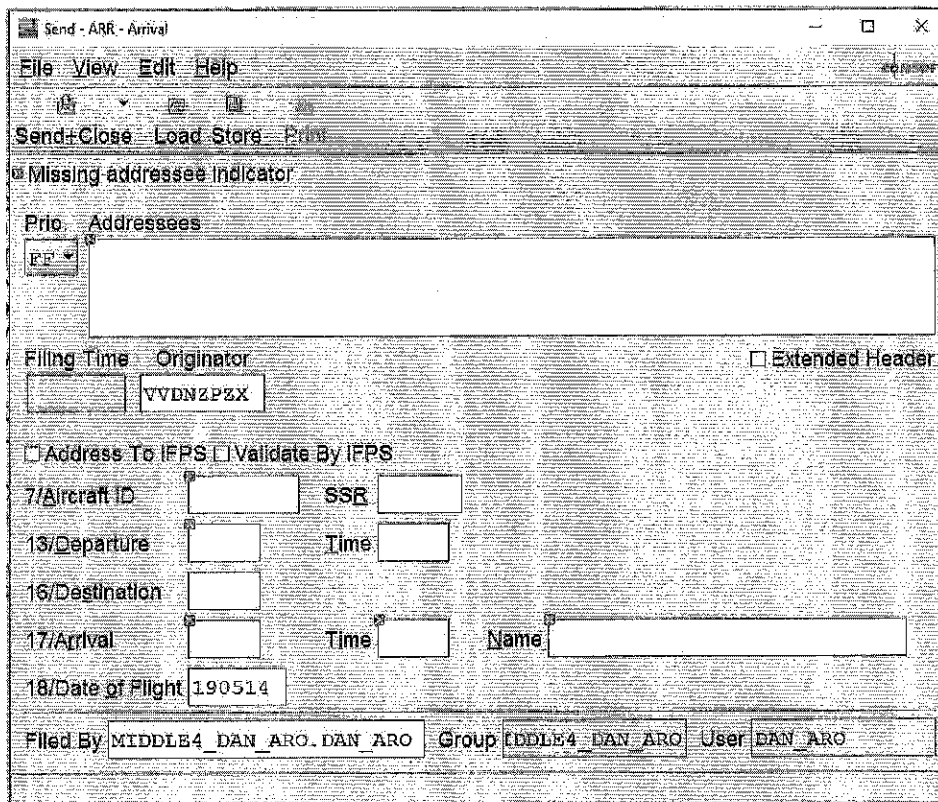
16/Destination

18/Date of Flight 190514

Filled By MIDDLE4\_DAN\_ARO.DAN\_ARO Group DDLE4\_DAN\_ARO User DAN\_ARO

## 2.6 Arrival (ARR) – Điện văn hạ cánh

Điện văn này được tạo và gửi ngay sau khi sân bay đến nhận được báo cáo hạ cánh. Người khai thác tham khảo một mẫu Điện văn hạ cánh như sau:



Send - ARR - Arrival

File View Edit Help

Send+Close Load Store Print

Missing addressee indicator

Prio. Addressees

FF

Filing Time Originator  Extended Header

VVDNZPZX

Address To IFPS  Validate By IFPS

7/Aircraft ID  SSR

13/Departure  Time

16/Destination

17/Arrival  Time  Name

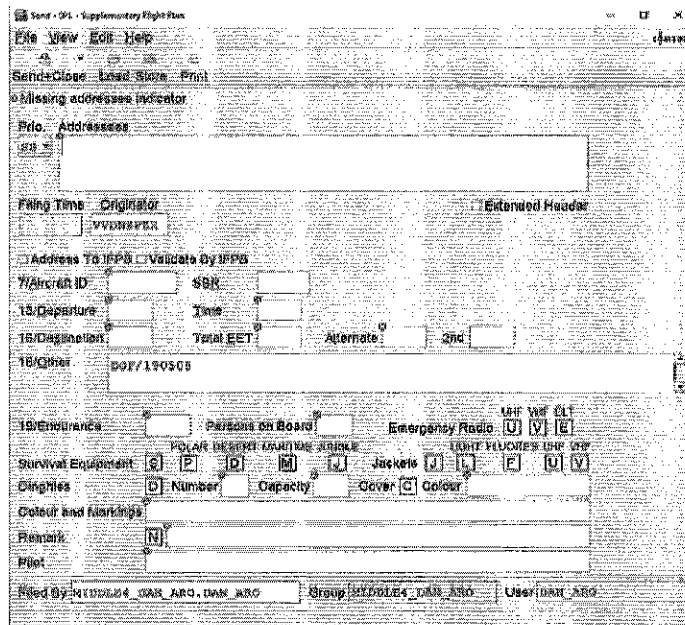
18/Date of Flight 190514

Filled By MIDDLE4\_DAN\_ARO.DAN\_ARO Group DDLE4\_DAN\_ARO User DAN\_ARO

101  
TH  
HON  
NGK  
TO  
IAN  
CC  
161

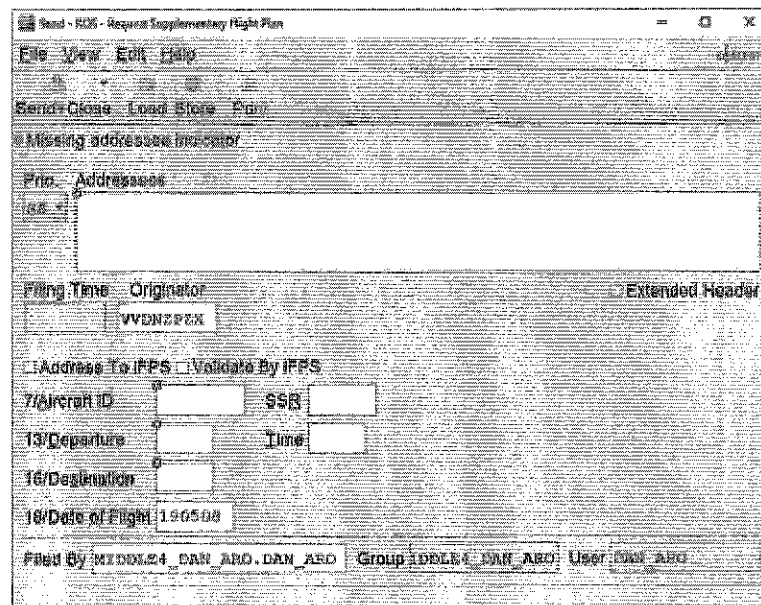
## 2.13 Supplementary (SPL) - Điện văn bổ sung KHB

Điện văn này bao gồm tin tức về thiết bị cứu hộ và tổng số hành khách trên tàu bay. Tin tức này không được phát trong điện văn kế hoạch bay mà được lưu trữ riêng.



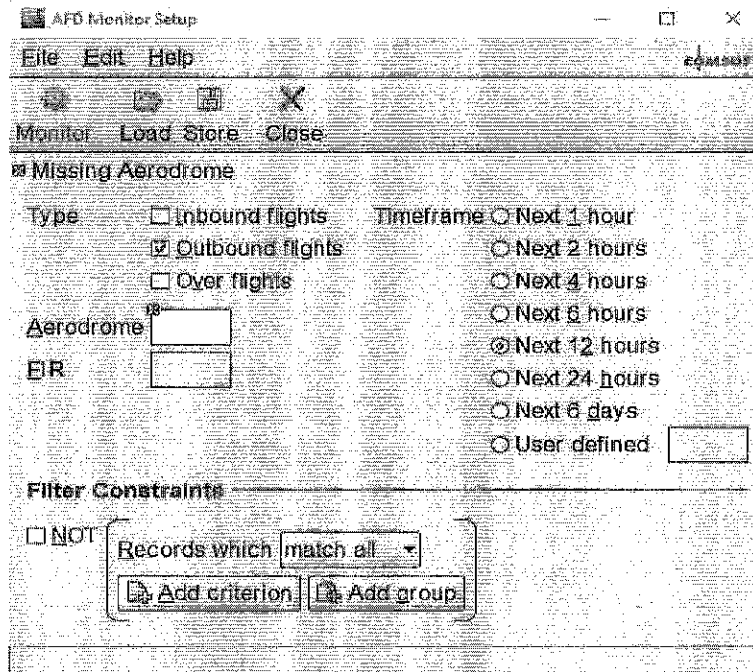
## 2.14 Request Supplem.Flight Plan (RQS) - Điện văn xin tin tức bổ sung cho điện văn Kế hoạch bay

Điện văn này được phát trong trường hợp cần xin tin tức bổ sung cho điện văn kế hoạch bay được phát trước đó.



## 2.15 Request Flight Plan (RQP) - Điện văn xin kế hoạch bay

Điện văn này được phát trong trường hợp cần xin 1 kế hoạch bay. Người khai thác tham khảo một mẫu Điện văn xin kế hoạch bay như sau:



- Tại cửa sổ này, chọn các thông tin cần hiển thị, cửa sổ “Aerodrome” là bắt buộc. Ví dụ: tại cửa sổ trên, chọn “outbound”, “Next 12 hours” và Aerodrome “VVDN”
- Sau khi điền đầy đủ thông tin, nhấn “Monitor”.
- Màn hình xuất hiện như sau:

G	Info	AircraftID	Dep	Off-Block time	C/POT	Dest	Route
planned	AIQ639	VVDN	13 11:10 (Est.)	VTBD	N0484F340	TANNA1D	TANNA DC...
planned	AXM941	VVDN	13 08:45 (Est.)	VMKK	N0444F280	KEMSY1B	SADIN Q1...
planned	OSN8382	VVDN	13 09:30 (Est.)	ZGBH	N0459F310	KANGU1A	KANGU DC...
planned	HKE559	VVDN	13 11:15 (Est.)	VHHH	N0466F330	BINKU A1	BUNTA A1...
planned	HVN131	VVDN	13 08:00 (Est.)	VVTS	N0485F320	KEMSY1B	KEMSY D...
planned	HVN135	VVDN	13 09:00 (Est.)	VVTS	N0485F320	KEMSY1B	KEMSY D...
planned	HVN176	VVDN	13 08:00 (Est.)	VVNB	N0483F330	LAIKA1B	LAIKA DCT...
planned	HVN184	VVDN	13 09:00 (Est.)	VVNB	N0483F330	LAIKA1B	LAIKA DCT...
planned	HVN188	VVDN	13 10:00 (Est.)	VVNB	N0483F330	LAIKA1B	LAIKA DCT...
planned	HVN1955	VVDN	13 07:45 (Est.)	VVDL	N0483F300	ANLUT1A	SADIN Q1...
planned	HVN550	VVDN	13 09:10 (Est.)	ZSHC	N0489F330	HOKIN1B	HOKIN DCT...
planned	KAL486	VVDN	13 08:40 (Est.)	RKSI	N0485F330	DCT HOKIN	DCT BIN...
planned	PIC846	VVDN	13 10:25 (Est.)	VVNB	N0459F350	LAIKA1A	TRABE Q2 B...
planned	PIC879	VVDN	13 09:25 (Est.)	VVTS	N0458F320	KEMSY1B	KEMSY D...
planned	PIC883	VVDN	13 09:00 (Est.)	VVTS	N0458F320	KEMSY1B	KEMSY D...
planned	PIC885	VVDN	13 13:10 (Est.)	VVTS	N0457F320	KEMSY1B	KEMSY D...
planned	PIC893	VVDN	13 15:50 (Est.)	VVTS	N0468F320	KEMSY1B	KEMSY D...
planned	VJC508	VVDN	13 13:30 (Est.)	VVNB	N0481F360	LAIKA1A	TRABE DCT...
planned	VJC524	VVDN	13 11:55 (Est.)	VVNB	N0481F350	LAIKA1A	TRABE DCT...
planned	VJC626	VVDN	13 14:10 (Est.)	VVNB	N0489F350	LAIKA1A	TRABE DCT...
planned	VJC528	VVDN	13 15:50 (Est.)	VVNB	N0448F350	LAIKA1A	TRABE DCT...
planned	VJC532	VVDN	13 07:40 (Est.)	VVNB	N0481F330	LAIKA1A	TRABE DCT...
planned	VJC532	VVDN	13 14:30 (Est.)	VVNB	N0447F350	LAIKA1A	TRABE DCT...
delayed	VJC601	VVDN	13 07:30 (Est.)	VVGR	N0445F320	KEMSY1B	KUMUN D...
planned	VJC623	VVDN	13 09:45 (Est.)	VVTS	N0448F340	KEMSY1A	SADIN Q1...
planned	VJC631	VVDN	13 13:35 (Est.)	VVTS	N0448F340	KEMSY1A	SADIN Q1...
planned	VJC635	VVDN	13 15:25 (Est.)	VVTS	N0451F340	KEMSY1A	SADIN Q1...
planned	VJC639	VVDN	13 13:50 (Est.)	VVTS	N0451F340	KEMSY1A	SADIN Q1...
planned	VJC641	VVDN	13 18:05 (Est.)	VVTS	N0447F340	KEMSY1A	SADIN Q1...
planned	VJC643	VVDN	13 15:35 (Est.)	VVTS	N0451F340	KEMSY1A	SADIN Q1...
planned	VJC647	VVDN	13 15:10 (Est.)	VVTS	N0451F340	KEMSY1A	SADIN Q1...
delayed	VJC653	VVDN	13 07:30 (Est.)	VVTS	N0450F340	KEMSY1A	SADIN Q1...
planned	VJC724	VVDN	13 10:00 (Est.)	VVCI	N0440F330	LAIKA1A	TRABE DCT...
planned	VJC8168	VVDN	13 14:30 (Est.)	ZUUU	N0456F310	LAIKA1B	TRABE DCT...
planned	VJC8374	VVDN	13 12:40 (Est.)	ZHHH	N0453F330	LAIKA1B	TRABE DCT...
planned	VJC874	VVDN	13 08:30 (Est.)	RKSI	N0450F270	HOKIN1A	BINKU DCT...
planned	VJC878	VVDN	13 18:45 (Est.)	RKSI	N0455F290	HOKIN1A	BINKU DCT...
planned	VJC680	VVDN	13 18:45 (Est.)	RKSI	N0456F290	HOKIN1A	BINKU DCT...

- Nếu cần tạo điện văn cho chuyến bay nào, chỉ cần đặt con trỏ vào chuyến bay đó và ấn chuột phải, màn hình sẽ xuất hiện như sau:

- Từ đó, có thể soạn thảo điện văn cần thiết.

Ví dụ: chọn “create ARR”, màn hình sẽ xuất hiện như sau:

The screenshot shows a window titled "Send - Free Text" with a menu bar (File, View, Edit, Help) and a toolbar (Send+Close, Load, Store, Print). The main area contains the following fields and options:

- Prlo:** A dropdown menu showing "PZ".
- Addressee:** A text box containing "VVDNSINK".
- Filing Time:** An empty text box.
- Originator:** A text box containing "VVDNZPZX".
- Extended Header:** An unchecked checkbox.
- Message Type:** A dropdown menu showing "Arrival".
- Lines/Chars:** A label showing "2/44".
- Message Content:** A large text area containing the text: "(ARR-CSN8367-ZHCC0408-VVDN0727 -DOF/190514)".
- Send message without parsing:** An unchecked checkbox.
- Protocol:** A dropdown menu showing "AFTN/AFS IA5".
- Filed By:** A text box containing "MIDDLE4\_DAN\_ARO.DAN\_ARO".
- Group:** A text box containing "MIDDLE4\_DAN\_AR".
- User:** A text box containing "DAN\_ARO".

Người khai thác chỉnh sửa lại nội dung thông tin và phát điện văn theo quy định.

000  
AM  
IN  
3 T  
ET  
NHH  
TP



# HƯỚNG DẪN CUNG CẤP DỊCH VỤ THỦ TỤC BAY TRÊN HỆ THỐNG AFTN

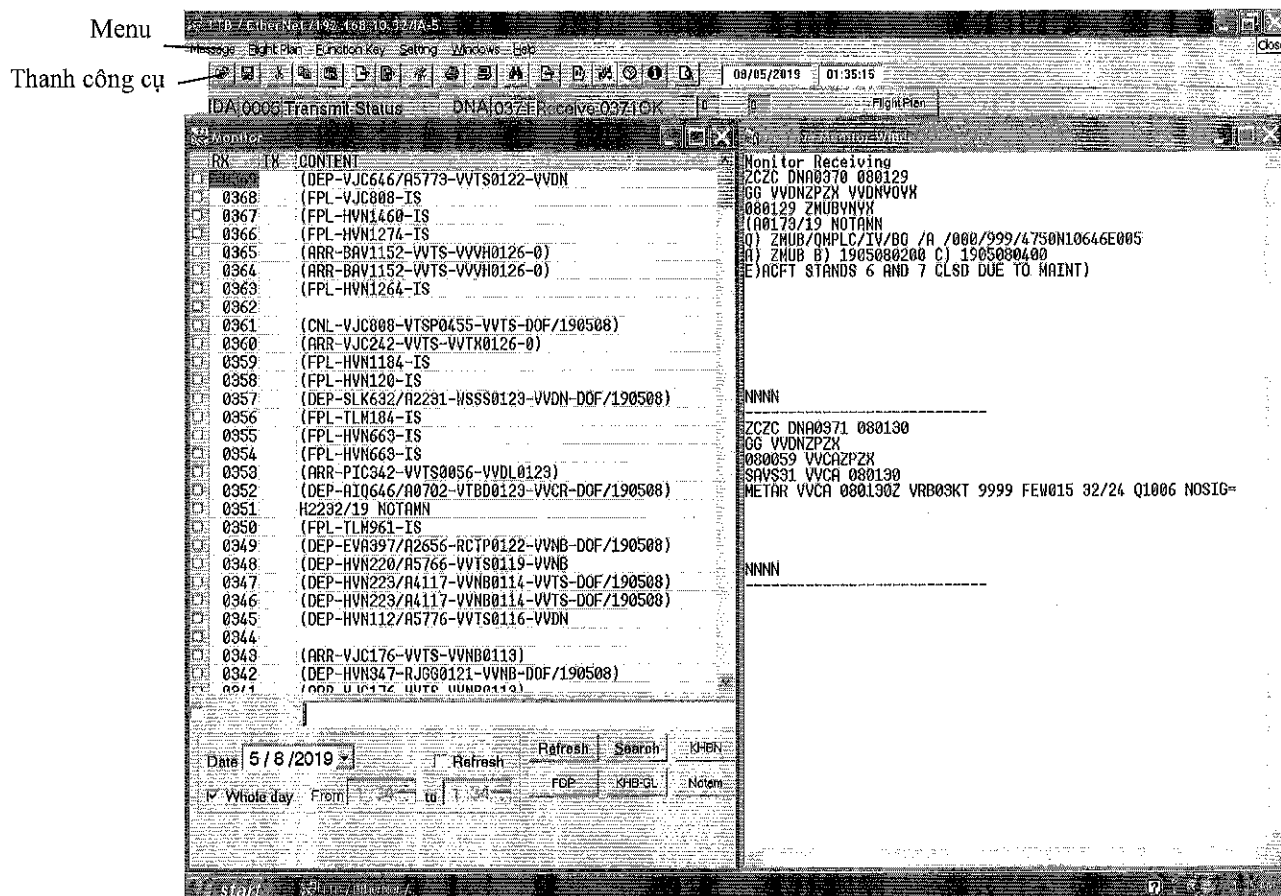
## I. Bố cục một điện văn AFTN

Một điện văn AFTN gồm các phần sau:

- Hàng tiêu đề (hay còn gọi là đầu điện văn):
  - + Dấu hiệu bắt đầu điện văn
  - + chỉ danh kênh và số thứ tự
  - + ngày giờ phút phát điện văn trên hệ thống
- Dòng địa chỉ: Độ khẩn – địa chỉ nhận
- Phần gốc:
  - + ngày giờ phút phát điện văn
  - + địa chỉ gốc
- Nội dung điện văn
- Kết thúc điện văn: gồm 7 dấu xuống hàng và nhóm 4 chữ N) NNNN

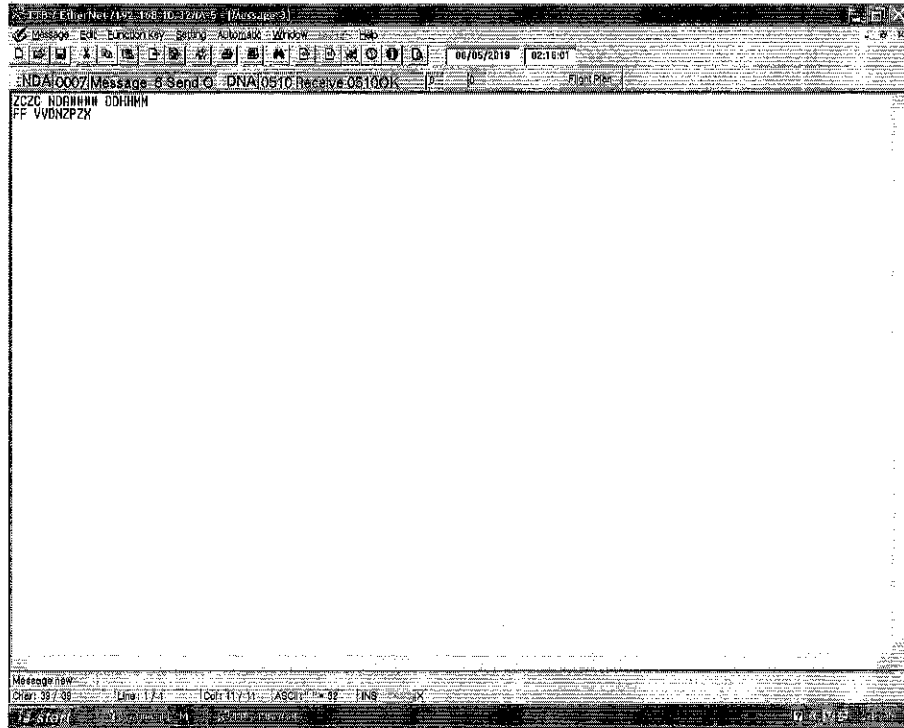
## II. Cách soạn thảo và phát điện văn trên hệ thống AFTN

Màn hình chính của AFTN:



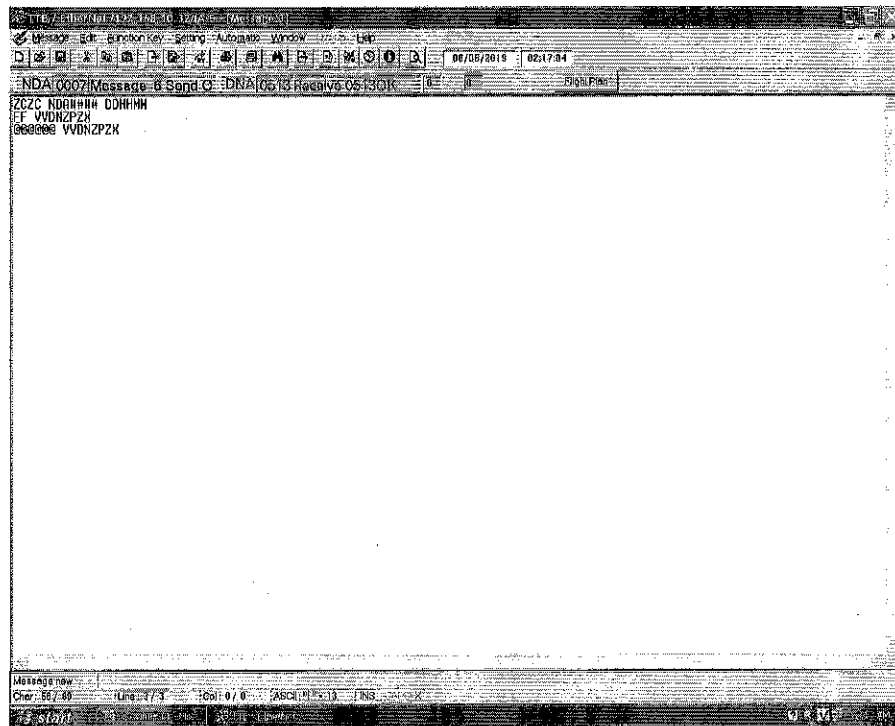
### 1. Cách soạn thảo điện văn

Để soạn thảo một điện văn mới, thực hiện các bước như sau:



### Bước 3: Nhập phân gốc

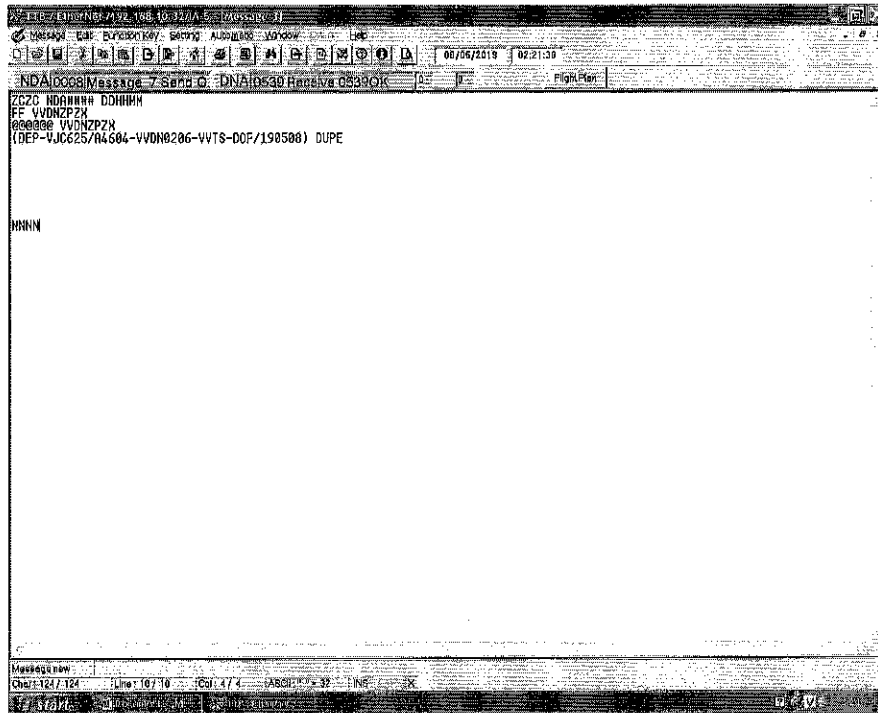
- Trên Menu, chọn “Function Key”  “Origin”, hoặc
- Trên bàn phím, nhấn phím F3.




### Bước 4: Soạn thảo nội dung điện văn

Soạn thảo nội dung điện văn FPL và các điện văn ATS liên quan theo mẫu điện văn ICAO quy định.

Ví dụ: (DEP-VJC625/A4604-VVDN0206-VVTS-DOF/190508)



## 2.2 Gửi và xóa điện văn:

- Trên Menu, chọn “Function Key”  “Send”  “Send Clear”
- Trên thanh công cụ, chọn , hoặc
- Trên bàn phím, nhấn phím F1.